TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 3- 2022.
V/v ly hôn giữa chị Th và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th – Sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Ngô Văn T – Sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/01/2022 cũng như lời khai của chị Hoàng Thị Th tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Ngô Văn T vào tháng 01/1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh T mải chơi không quan tâm

đến vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 12/2021 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Th xác định giữa chị và anh T có ba con chung là cháu Ngô Văn T1, sinh ngày 18/11/1994; cháu Ngô Thị Th, sinh ngày 28/4/1999 và cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012 (Tại thời điểm hiện tại cháu T2 đang ở với chị). Nay cháu T1 và cháu Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết còn cháu T2 chưa trưởng thành. Ly hôn chị Th xin nhận trực tiếp nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị Hoàng Thị Th đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Ngô Văn T vắng mặt nhưng anh T đã có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và xét xử vắng mặt. Lời khai của anh T tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị Th vào tháng 01/1994 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến tháng 12/2021 thì vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Th xin ly hôn anh thì anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Hoàng Thị Th.

Về con chung: Anh Ngô Văn T xác định giữa anh và chị Hoàng Thị Th có ba con chung là cháu Ngô Văn T1, sinh ngày 18/11/1994; cháu Ngô Thị Th, sinh ngày 28/4/1999 và cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012 (Cháu T2 đang ở cùng anh T). Hiện cháu T1 và cháu Th đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết còn cháu T2 chưa trưởng thành. Ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu T2 và không yêu cầu chị Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu cháu T2 muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T; Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Hoàng Thị Th xin ly hôn anh Ngô Văn T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Ngô Văn T vắng mặt nhưng anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T vào tháng 01 năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chống bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12/2021 thì vợ chồng chị Th anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh T cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Th xin ly hôn anh T và phía anh T cũng nhất trí ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị Th và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T đều thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Ngô Văn T1, sinh ngày 18/11/1994; cháu Ngô Thị Th, sinh ngày 28/4/1999 và cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012. Tại phiên toà hôm nay chị Th trình bày cháu T2 đang ở cùng với chị. Nay cháu T1 và cháu Th đã trưởng thành nên chị Th và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết còn cháu T2 chưa trưởng thành.

Ly hôn chị Th và anh T đều xin nhận trực tiếp nuôi cháu T2. Thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị Th và anh T là chính đáng và hiện nay chị Th và anh T đều làm lao động tự do có thu nhập tương đương nhau. Phía anh T cũng có quan điểm nếu cháu T2 có nguyện vọng ở với ai thì anh cũng nhất trí. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu T2 cũng có quan điểm xin được ở với chị Th. Vì vậy nên giao cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Phía chị Th không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy nguyện vọng của chị Th là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Th và anh Ngô Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Ngô Thanh T2, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0001339 ngày 18/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn R;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương